



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1659>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON Ở THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Đinh Thị Hồng Vân¹ và Nguyễn Thị Thu Hằng^{2*}

¹*Khoa Tâm lý và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam*

²*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: thuhangdx1@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 14/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 13/10/2025; Ngày duyệt đăng: 17/10/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non được coi là yêu cầu tất yếu. Bài báo phân tích thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước trên cơ sở khảo sát 28 cán bộ quản lý và 273 giáo viên thuộc 10 trường mầm non thông qua bảng hỏi, phỏng vấn. Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý đã được chú trọng, từ lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, kết quả cũng chỉ ra một số hạn chế đáng chú ý: công tác lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá chưa toàn diện, thiếu tiêu chí cụ thể; cơ chế động viên, khuyến khích chưa phát huy hiệu quả. Thực trạng trên là cơ sở để các trường mầm non đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Từ khóa: *Giáo dục mầm non, quản lý, thành phố Đồng Xoài, ứng dụng công nghệ thông tin.*

Trích dẫn: Đinh, T. H. V., & Nguyễn, T. T. H. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(05S), 196-207. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1659>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE CURRENT SITUATION OF MANAGING INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN ORGANIZING EDUCATIONAL ACTIVITIES AT PRESCHOOLS IN DONG XOAI CITY, BINH PHUOC PROVINCE

Dinh Thi Hong Van¹ and Nguyen Thi Thu Hang^{2*}

¹*Faculty of Psychology and Education, Hue University of Education, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: thuhangdx1@gmail.com*

Article history

Received: 14/9/2025; Received in revised form: 13/10/2025; Accepted: 17/10/2025

Abstract

In the context of the Fourth Industrial Revolution and digital transformation, the application of information technology in preschool education is considered an essential requirement. This paper analyzed the current state of this task in organizing educational activities at preschools in Dong Xoai City, Binh Phuoc Province. The study was based on a survey of 28 administrators and 273 teachers from 10 preschools, conducted through questionnaires and interviews. The findings revealed that the management process, from planning to implementation, direction, and evaluation, had received considerable attention. However, several notable limitations were identified: the planning, direction, and evaluation stages were not comprehensive and lacked specific criteria. Furthermore, existing motivational and encouragement mechanisms had not proven effective. These findings provided a basis for proposing measures to enhance the effectiveness of managing information technology application in educational activities at preschools in this area.

Keywords: *Dong Xoai City, information technology application, management, preschool education.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, công nghệ thông tin (CNTT) không chỉ dừng lại ở vai trò một công cụ hỗ trợ mà đã trở thành yếu tố cốt lõi, góp phần thúc đẩy sự đổi mới và nâng cao chất lượng trong mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là giáo dục. Ứng dụng CNTT trong giáo dục giúp tối ưu hóa quá trình dạy học, hiện đại hóa hoạt động quản lý, đồng thời tạo dựng một môi trường học tập năng động, sáng tạo, giúp người học tiếp cận tri thức một cách hiệu quả hơn (Thủ tướng Chính phủ, 2020).

Đối với bậc học mầm non nền tảng đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân - việc ứng dụng CNTT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. CNTT hỗ trợ giáo viên (GV) đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đồng thời giúp công tác quản lý của cán bộ quản lý (CBQL) trở nên khoa học, chuyên nghiệp và hiệu quả hơn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Thay vì chỉ sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống, việc tích hợp CNTT cho phép GV xây dựng các bài giảng trực quan, sinh động; ứng dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy; tổ chức các hoạt động tương tác giúp trẻ hứng thú và phát triển toàn diện hơn. CNTT còn giúp GV theo dõi sự phát triển cá nhân của trẻ, lưu trữ và quản lý hồ sơ khoa học, đồng thời tạo cầu nối gắn kết hiệu quả giữa nhà trường và phụ huynh (Trần & Nguyễn, 2015).

Nhận thức rõ tầm quan trọng của CNTT trong giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nhấn mạnh việc tăng cường ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng giáo dục (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Tiếp đó, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” đã xác định CNTT là giải pháp trọng tâm nhằm đổi mới phương thức dạy học và quản lý, hướng đến một nền giáo dục hiện đại, hội nhập (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu của thời đại, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 19/4/2021 phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, xác định công nghệ thông tin là giải pháp trọng tâm nhằm đổi mới phương thức dạy học và quản lý giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Những chủ trương này khẳng định vai trò then chốt của CNTT trong nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đặc biệt trong giai đoạn hậu đại dịch và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tập trung làm rõ vai trò của CNTT trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục. Lê Công Triêm và Nguyễn Đức Vũ cho rằng ứng dụng CNTT góp phần hiện đại hóa hoạt động dạy học, giúp GV đổi mới phương pháp, từ truyền đạt một chiều sang tổ chức hoạt động học tập lấy người học làm trung tâm (Lê & Nguyễn, 2006). Phó Đức Hòa và Ngô Quang Sơn tiếp tục khẳng định tính tích cực của CNTT trong việc tăng cường tương tác đa chiều giữa GV và học sinh thông qua các công cụ trực quan như video, mô phỏng, trò chơi học tập (Phó & Ngô, 2014). Vũ Thanh và Tài Thành nhấn mạnh rằng ở bậc mầm non, CNTT không chỉ là phương tiện hỗ trợ giảng dạy mà còn là nội dung giáo dục quan trọng, giúp trẻ phát triển tư duy và kỹ năng thông qua phần mềm kể chuyện, trò chơi tương tác và bảng thông minh (Vũ & Tài, 2015). Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Mỹ Lệ trong luận văn “Quản lý ứng dụng CNTT vào dạy học tại trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tỉnh Thái Nguyên” đã chứng minh rằng ứng dụng CNTT giúp nâng cao chất lượng bài giảng, tăng mức độ hứng thú của trẻ, đồng thời hỗ trợ GV trong công tác quản lý lớp học và chuẩn bị bài giảng hiệu quả hơn (Nguyễn, 2015).

Tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, việc ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non đã được quan tâm triển khai, song vẫn còn gặp nhiều hạn chế. Hạ tầng và trang thiết bị chưa đồng bộ, năng lực ứng dụng CNTT của GV chưa đồng đều, cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan còn hạn chế, và một số trường chưa có chiến lược phát triển hạ tầng rõ ràng. Khó khăn về nguồn kinh phí và tâm lý e ngại công nghệ cũng là những rào cản đáng kể đối với đội ngũ GV. Thực trạng trên cho thấy, mặc dù có nhiều chính sách, hướng dẫn và nghiên cứu trước đó, nhưng việc quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài vẫn cần được đánh giá toàn diện hơn. Việc khảo sát thực trạng không chỉ giúp nhận diện rõ mức độ ứng dụng CNTT của đội ngũ cán bộ, GV mà còn góp phần đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đây là cơ sở thiết yếu để đề ra những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về quá trình khảo sát

- Mục đích khảo sát: Nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Kết quả khảo sát giúp làm rõ nhận thức, năng lực CNTT của CBQL và GV, mức độ triển khai cũng như những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý.

- Nội dung khảo sát: Tập trung vào 4 khía cạnh chính của công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT: Lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục; Tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT; Chỉ đạo, điều hành quá trình triển khai; Kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT.

- Khách thể khảo sát: 28 CBQL và 273 GV thuộc 10 trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài.

- Thời gian khảo sát: Từ tháng 5 năm 2025 đến tháng 7 năm 2025

- Địa bàn khảo sát: Các trường mầm non tại thành phố Đồng Xoài, Bình Phước, bao gồm: Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Mầm non Hoa Cúc, Trường Mầm non Hoa Sen, Trường Mầm non Hoa Mai, Trường Mầm non Hoa Huệ, Trường Mầm non Hoa Lan, Trường Mầm non Hoa Đào, Trường Mầm non Hoa Hướng Dương, Trường Mầm non Hoa Phượng, Trường Mầm non Hoa Mì.

- Công cụ đo và xử lý số liệu khảo sát: Thiết kế và sử dụng bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ, kết hợp phỏng vấn sâu một số CBQL và GV để bổ sung thông tin định tính. Các dữ liệu thu được được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 27.0, nhằm phân tích tần suất, phần trăm, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả.

- Quy ước mức độ đánh giá: Các kết quả khảo sát được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ: *Kém, Yếu, Trung bình, Khá, Tốt*. Khoảng cách giữa các mức được xác định bằng công thức $(5-1)/5 = 0,8$.

Khoảng điểm trung bình	Mức độ đánh giá
1,00 – 1,80	Kém
1,81 – 2,60	Yếu
2,61 – 3,40	Trung bình
3,41 – 4,20	Khá
4,21 – 5,00	Tốt

Quy ước này được sử dụng làm căn cứ để phân tích các kết quả ở những bảng đánh giá thực trạng.

2.2. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường mầm non ở thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2.2.1. Thực trạng lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại trường mầm non

Lập kế hoạch là khâu đầu tiên và đóng vai trò then chốt trong quản lý hoạt động ứng dụng CNTT tại các cơ sở giáo dục mầm non. Kết quả khảo sát từ các CBQL và GV tại các trường mầm non thành phố Đồng Xoài được trình bày ở bảng 1 cho thấy kết quả công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT bước đầu được thực hiện có hệ thống và phù hợp với điều kiện thực tế tại các trường. Cụ thể:

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về việc lập kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
Kế hoạch có mục tiêu, nội dung, lộ trình rõ ràng	0,0	0,3	2,7	41,9	55,1	4,52	0,56
Kế hoạch sát với năng lực GV và điều kiện thực tế của trường	0,0	0,0	7,3	44,5	48,2	4,41	0,62
Kế hoạch dự kiến nguồn lực thực hiện (Nhân lực, tài chính, công cụ thiết bị)	0,3	0,0	8,3	40,2	51,2	4,42	0,67
Thiết lập tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	0,0	1,0	8,6	40,2	50,2	4,40	0,68
Kế hoạch được xây dựng theo chu kỳ, lồng ghép trong kế hoạch năm học của nhà trường	0,0	0,3	7,3	41,9	50,5	4,43	0,64

Trước hết, nội dung kế hoạch có mục tiêu, nội dung và lộ trình rõ ràng đạt điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 4,52) và độ lệch chuẩn thấp nhất (ĐLC = 0,56), cho thấy tính minh bạch và cụ thể trong định hướng hoạt động CNTT đã được quan tâm đúng mức, khẳng định rằng các nhà trường đã chú trọng đến việc xác định mục tiêu rõ ràng và thiết lập lộ trình triển khai khả thi ngay từ bước đầu.

Nội dung kế hoạch sát với năng lực của GV và điều kiện thực tế của nhà trường cũng đạt ĐTB cao (ĐTB = 4,41), cho thấy quá trình lập kế hoạch đã có sự cân nhắc đến yếu tố con người và cơ sở vật chất thực tiễn, tránh tình trạng chạy theo hình thức hoặc vượt quá khả năng thực thi của đội ngũ GV. Đáng chú ý, không có bất kỳ đánh giá nào ở mức “kém” hay “yếu”, phản ánh sự hài lòng và đồng thuận cao trong đội ngũ.

Về nội dung dự kiến nguồn lực thực hiện kế hoạch (bao gồm nhân lực, tài chính và công cụ thiết bị), ĐTB = 4,42, chứng tỏ các nhà trường đã bước đầu quan tâm đến việc bố trí và huy động nguồn lực một cách hợp lý để đảm bảo kế hoạch ứng dụng CNTT khả thi.

Tiêu chí thiết lập đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cũng được chú trọng với điểm trung bình 4,40, phản ánh nhận thức rõ ràng của các CBQL về việc cần xây dựng công cụ, tiêu chí kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch, từ đó làm căn cứ điều chỉnh, cải tiến hoạt động ứng dụng CNTT trong thực tiễn.

Cuối cùng, nội dung kế hoạch được xây dựng theo chu kỳ và lồng ghép trong kế hoạch năm học (ĐTB = 4,43), cho thấy công tác lập kế hoạch không mang tính thời điểm, mà đã được đưa vào cơ chế quản lý giáo dục chính thức, đồng bộ với các hoạt động chuyên môn khác trong năm học. Đây là dấu hiệu tích cực thể hiện tính bền vững và lâu dài trong quản lý hoạt động ứng dụng CNTT tại các trường mầm non. Thêm vào đó, chúng tôi tiến hành phỏng vấn CBQL1 cho biết: “*Nhà trường lập kế hoạch ứng dụng CNTT theo chu trình: khảo sát hiện trạng (năng lực GV, thiết bị, học liệu) → đặt mục tiêu và chỉ tiêu định lượng → quy định nội dung triển khai (tập huấn, tiết học có CNTT, thư viện học liệu số, an toàn dữ liệu) → phân công & bố trí nguồn lực (GV nòng cốt, lịch dùng thiết bị, kinh phí) → mốc thời gian tháng/quý. Khi triển khai, tổ CM theo dõi KPI hằng tháng (bảng theo dõi + minh chứng, dự giờ có mục CNTT), họp rà soát theo quý; chưa đạt thì kèm cặp tại lớp, bổ sung tập huấn và điều chỉnh chỉ tiêu/lộ trình*”.

Tổng thể, kết quả khảo sát cho thấy công tác lập kế hoạch ứng dụng CNTT tại các trường mầm non thành phố Đồng Xoài đã đạt được mức độ cao về tính rõ ràng, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần làm nền tảng cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động ứng dụng CNTT trong chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, một số nội dung như dự kiến nguồn lực hay tiêu chí đánh giá vẫn cần tiếp tục được cụ thể hóa và đồng bộ hơn giữa các trường để nâng cao hiệu quả thực tiễn.

2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại trường mầm non

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT là bước triển khai cụ thể nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch. Kết quả khảo sát tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài cho thấy công tác này đã được thực hiện một cách khá bài bản, với mức độ đồng thuận khá cao giữa CBQL và GV thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về việc tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
Nhà trường xác định sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn, hiệu trưởng, GV chủ nhiệm, nhân viên kỹ thuật và cha mẹ trong thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT	0,0	0,0	7,3	41,5	51,2	4,44	0,62
Nhà trường có phân công rõ nhiệm vụ cá nhân, bộ phận	6,0	19,3	12	34,8	27,9	3,59	1,24

Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
liên quan trong ứng dụng CNTT tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ							
Nhà trường triển khai tập huấn, hướng dẫn thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT tổ chức hoạt động giáo dục cho GV	7,3	15,0	17,6	35,5	24,6	3,55	1,22
Nhà trường đảm bảo cơ sở hạ tầng, thiết bị hỗ trợ GV ứng dụng CNTT tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ	5,0	10,3	20,3	38,2	26,2	3,70	1,12
Nhà trường đảm bảo kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ	5,6	10,0	13,3	40,5	30,6	3,80	1,15

Trước hết, nội dung xác định sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn, hiệu trưởng, GV chủ nhiệm, nhân viên kỹ thuật và cha mẹ trong thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT đạt ĐTB cao nhất là 4,44; ĐLC = 0,62. Điều này phản ánh sự đồng bộ trong phối hợp tổ chức thực hiện, đảm bảo tính liên ngành và cộng đồng trong việc triển khai CNTT tại trường mầm non.

Tuy nhiên, hai nội dung được đánh giá thấp hơn là việc phân công rõ nhiệm vụ cá nhân, bộ phận liên quan (ĐTB = 3,59; ĐLC = 1,24) và công tác tập huấn, hướng dẫn GV thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT (ĐTB = 3,55; ĐLC = 1,22). Kết quả này phản ánh thực tế rằng mặc dù đã có sự quan tâm triển khai, song ở một số trường việc phân công trách nhiệm còn chưa cụ thể, dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát hiệu quả thực hiện. Đồng thời, hoạt động bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho GV tuy đã được tiến hành nhưng chưa thường xuyên, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển năng lực công nghệ của đội ngũ.

Các yếu tố đảm bảo về cơ sở hạ tầng và kinh phí được đánh giá ở mức khá tích cực. Cụ thể, Nhà trường đảm bảo cơ sở hạ tầng, thiết bị hỗ trợ GV ứng dụng CNTT tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ đạt ĐTB = 3,70 (ĐLC = 1,12), trong khi đảm bảo kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ có ĐTB = 3,80 (ĐLC = 1,15). Kết quả này cho thấy phần lớn các trường đã chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nguồn lực tài chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV ứng dụng CNTT vào hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều ý kiến đánh giá ở mức Kém, Yếu và Trung Bình về vấn đề đảm bảo kinh phí triển khai và các cơ sở hạ tầng, thiết bị hỗ trợ GV ứng dụng CNTT tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

Có thể thấy rằng công tác tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT tại các trường mầm non thành phố Đồng Xoài đã đạt được những kết quả khả quan, đặc biệt ở phương diện phối hợp giữa các bên liên quan. Tuy nhiên, để đảm bảo việc ứng dụng CNTT thực sự đồng bộ và bền vững, các trường cần chú trọng hơn vào việc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng cá nhân, bộ phận và tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ cho GV. Đồng thời, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị và kinh phí, nhằm

tạo nền tảng vững chắc cho việc đổi mới hoạt động giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2.2.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại trường mầm non

Chỉ đạo thực hiện là một khâu quan trọng trong quản lý ứng dụng CNTT, giúp định hướng, hỗ trợ và tạo động lực cho GV trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục. Kết quả khảo sát cho thấy các trường mầm non tại thành phố Đồng Xoài đã có nhiều nỗ lực trong công tác chỉ đạo, với mức độ đánh giá tích cực từ đội CBQL và GV cụ thể ở Bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về việc chỉ đạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
Nhà trường xây dựng quy định, yêu cầu về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non	0,0	0,3	10,0	42,9	46,8	4,36	0,67
Nhà trường chỉ đạo, khuyến khích GV sử dụng các phần mềm trong tổ chức các hoạt động giáo dục, sử dụng hiệu quả các phần mềm dạy học, thiết kế giáo án điện tử bằng các phần mềm: Powerpoint; Canva...	4,3	4,7	17,6	38,5	34,9	3,95	1,05
Nhà trường chỉ đạo cho GV khai thác, sử dụng hiệu quả các thiết bị CNTT như: Máy tính, máy chiếu projector, tivi, máy chiếu đa vật thể, bảng tương tác, máy ảnh kỹ thuật số, máy quay, điện thoại thông minh... để phục vụ tổ chức hoạt động giáo dục	2,7	6,6	16,9	37,3	36,5	3,98	1,02
Nhà trường tổ chức thao giảng, hội giảng chuyên đề về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp	4,0	4,3	18,9	38,6	34,2	3,95	1,03
Nhà trường tổ chức cho GV chia sẻ, rút kinh nghiệm trong các tiết dạy có ứng dụng CNTT	3,3	9,3	14,6	33,9	38,9	3,96	1,09
Cán bộ quản lý hỗ trợ GV ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục hiệu quả	5,3	9,0	15,6	30,6	39,5	3,90	1,18
Nhà trường khen thưởng tập thể, cá nhân GV có thành tích cao về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục hiệu quả	8,3	4,7	16,6	33,2	37,2	3,86	1,21

Trong các nội dung khảo sát, cao nhất là việc nhà trường xây dựng quy định, yêu cầu về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non với ĐTB = 4,36 và ĐLC = 0,67. Tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức khá và tốt chiếm tới 89,7%, cho thấy phần lớn các trường đã có cơ sở pháp lý, quy định cụ thể để định hướng hoạt động ứng dụng CNTT, tạo nền tảng cho sự thống nhất và đồng bộ trong thực hiện.

Các nội dung khác như chỉ đạo, khuyến khích GV sử dụng phần mềm thiết kế giáo án điện tử, phần mềm dạy học (ĐTB = 3,95), chỉ đạo khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết bị CNTT phục vụ giảng dạy (ĐTB = 3,98) hay tổ chức thao giảng, hội giảng chuyên đề về ứng dụng CNTT (ĐTB = 3,95) đều đạt mức khá. Kết quả này phản ánh sự quan tâm của các nhà trường trong việc nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ GV, đồng thời tạo ra các diễn đàn chuyên môn để GV được học hỏi, rút kinh nghiệm lẫn nhau. Tuy vậy, các nhà trường cũng cần có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao hơn nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học.

Hoạt động tổ chức cho GV chia sẻ, rút kinh nghiệm qua các tiết dạy có ứng dụng CNTT được ghi nhận với ĐTB = 3,96, thể hiện nỗ lực duy trì cơ chế phản hồi, hỗ trợ đồng nghiệp. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ trực tiếp của CBQL trong việc giúp GV ứng dụng CNTT (ĐTB = 3,90) cũng như chính sách khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật (ĐTB = 3,86) tuy đã được triển khai nhưng chưa thực sự nổi trội và kết quả cũng chưa thật sự cao. Tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức trung bình, yếu và kém trong các nội dung này vẫn còn đáng kể, phản ánh thực tế rằng công tác khích lệ, động viên và đồng hành cùng GV ở một số trường còn chưa được chú trọng đúng mức.

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn GV1 cho biết: *“Ban giám hiệu quán triệt nguyên tắc “CNTT là phương tiện, mục tiêu học là trung tâm, dùng đúng–đủ–phù hợp lứa tuổi. BGH tổ chức kèm cặp, tập huấn ngắn, thao giảng mẫu và khen thưởng sản phẩm số chất lượng; đồng thời đảm bảo an toàn dữ liệu, xin phép hình ảnh trẻ khi chia sẻ với phụ huynh”.*

Như vậy, công tác chỉ đạo ứng dụng CNTT tại các trường mầm non ở Đồng Xoài đã đạt được kết quả khá khả quan, đặc biệt ở phương diện xây dựng quy định, quy chế và định hướng chiến lược. Tuy nhiên, để việc ứng dụng CNTT trở thành động lực bền vững trong đổi mới hoạt động giáo dục, các trường cần tiếp tục tăng cường biện pháp khuyến khích và khen thưởng, đồng thời đảm bảo sự hỗ trợ kịp thời, thiết thực từ đội ngũ CBQL. Việc nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt chuyên môn, thao giảng và cơ chế chia sẻ kinh nghiệm cũng cần được chú trọng hơn nhằm lan tỏa hiệu quả ứng dụng CNTT trong toàn bộ đội ngũ GV.

2.2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại trường mầm non

Kiểm tra, đánh giá là khâu quan trọng trong quá trình quản lý nhằm đảm bảo việc triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT đi đúng hướng và đạt hiệu quả. Việc kiểm tra không chỉ giúp phát hiện những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện mà còn là căn cứ để điều chỉnh kế hoạch và nâng cao chất lượng giáo dục. Để đánh giá thực trạng nội dung này, tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến của CBQL và GV, kết quả thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về việc kiểm tra, đánh giá thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
Nhà trường có kế hoạch kiểm tra	1,7	2,7	13,6	39,8	42,2	4,18	0,89

Nội dung	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
cụ thể, định kỳ, mục đích rõ ràng về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục							
Nội dung kiểm tra, đánh giá bám sát kế hoạch và thực tiễn về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục	2,0	2,0	32,2	40,9	22,9	3,81	0,88
Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục linh hoạt. Có nhận xét, góp ý chuyên môn sau kiểm tra	4,3	1,7	23,6	42,2	28,2	3,88	0,98
Thiết lập bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục	0,0	0,3	8,3	44,6	46,8	4,38	0,65
Kết quả kiểm tra được dùng để điều chỉnh kế hoạch, nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục	1,2	1,2	17,2	44,9	35,5	4,17	0,75

Kết quả Bảng 4 cho thấy, phần lớn CBQL và GV đánh giá khá cao vai trò và hiệu quả của công tác kiểm tra, đánh giá trong việc ứng dụng CNTT vào tổ chức hoạt động giáo dục tại trường mầm non. Trong đó, nổi bật nhất là nội dung thiết lập bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng về ứng dụng CNTT với ĐTB = 4,38 và ĐLC = 0,65. Đây là minh chứng cho việc trường mầm non đã chú trọng xây dựng chuẩn mực cụ thể, tạo cơ sở để việc kiểm tra, đánh giá trở nên minh bạch, khách quan và có tính định hướng. Tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức khá và tốt chiếm đến 91,3%, cho thấy sự đồng thuận cao của đội ngũ CBQL và GV.

Các nội dung liên quan đến việc xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, có mục đích rõ ràng (ĐTB = 4,18 - mức khá), cũng như việc sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh kế hoạch và nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT (ĐTB = 4,17 - mức khá) được đánh giá ở mức tích cực. Kết quả này phản ánh sự gắn kết giữa khâu giám sát và khâu cải tiến, đảm bảo hoạt động kiểm tra không chỉ dừng ở phát hiện vấn đề mà còn góp phần định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý.

Trong khi đó, nội dung về phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá linh hoạt, có nhận xét góp ý chuyên môn sau kiểm tra (ĐTB = 3,88) và nội dung kiểm tra bám sát kế hoạch cũng như thực tiễn (ĐTB = 3,81) được đánh giá chỉ ở mức khá. Một số trường đã làm tốt việc đổi mới phương pháp và gắn kết kiểm tra với thực tiễn, song vẫn còn nơi thực hiện chưa đồng bộ, dẫn tới hiệu quả chưa cao. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn CBQL2 cho biết: “Nhà trường có kế hoạch kiểm tra cụ thể, định kỳ, mục đích rõ ràng về ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục. Việc kiểm tra đánh giá ứng dụng CNTT được thực hiện theo tiêu chí bám mục tiêu tổ chức hoạt động và phù hợp lứa tuổi; Hình thức dự giờ định kỳ, đột xuất với phiếu tiêu chí CNTT, rà soát giáo án điện tử, học liệu, kiểm tra minh chứng (video/ảnh, báo cáo GoKids/Forms), lấy phản hồi PH/HS. Sau kiểm tra thì phản hồi ngay tại lớp có biên bản góp

ý, lập kế hoạch cải tiến cá nhân tái dự giờ sau 2–4 tuần; đồng thời điều chỉnh kế hoạch tập huấn và khen thưởng thực hành tốt.

Tóm lại, công tác kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT trong các trường mầm non ở Đồng Xoài đã được quan tâm triển khai một cách có hệ thống, với điểm sáng là việc xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể. Tuy nhiên, một số nội dung như đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra và việc gắn kết chặt chẽ với thực tiễn vẫn còn hạn chế, cần được quan tâm hơn để đảm bảo tính đồng bộ và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá trong thời gian tới.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng

Ưu điểm: Chính sách chuyển đổi số trong giáo dục đã được triển khai đồng bộ, có định hướng rõ ràng từ cấp Sở đến các cơ sở giáo dục, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình ứng dụng công nghệ trong quản lý và giảng dạy. Nhiều trường mầm non trọng điểm trên địa bàn được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT tương đối đầy đủ, cùng với hệ thống hạ tầng mạng ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu dạy – học và quản lý. Việc ứng dụng CNTT trong công tác hành chính đã trở thành thói quen thường xuyên, giúp đội ngũ GV làm quen và sử dụng thành thạo các công cụ số trong công việc. Đồng thời, phụ huynh ngày càng tích cực phối hợp, ủng hộ nhà trường trong việc ứng dụng CNTT để kết nối, trao đổi thông tin về quá trình học tập và phát triển của trẻ. Đáng chú ý, tại nhiều đơn vị đã xuất hiện đội ngũ GV trẻ có năng lực công nghệ, chủ động sáng tạo và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới và nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong toàn trường.

Hạn chế: Một bộ phận GV vẫn chưa nhận thức đầy đủ vai trò của CNTT, việc ứng dụng còn mang tính hình thức. Hoạt động bồi dưỡng kỹ năng công nghệ chưa thường xuyên, nội dung thiếu thực hành và chưa phù hợp nhu cầu thực tế. Ứng dụng CNTT trong dạy học chủ yếu dừng ở trình chiếu, thiếu tính tương tác và sáng tạo. Công tác kiểm tra, đánh giá chưa có tiêu chí thống nhất, chưa phản ánh đúng hiệu quả. Cơ chế khuyến khích, khen thưởng còn đơn giản, chưa tạo động lực cho GV đổi mới.

Nguyên nhân: Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục còn thiếu đồng bộ và chiều sâu. Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn ứng dụng CNTT vẫn mang tính hình thức, chưa có chuyên đề chuyên sâu hay hướng dẫn thực hành cụ thể. Việc chỉ đạo triển khai ở một số trường còn chung chung, chưa gắn với trách nhiệm và tiêu chí đánh giá rõ ràng. Bên cạnh đó, chưa có công cụ hoặc bộ tiêu chí khoa học để đo lường mức độ, hiệu quả ứng dụng CNTT. Chính sách khuyến khích, khen thưởng và tạo điều kiện học tập nâng cao cho GV cũng chưa được quan tâm đúng mức, làm giảm động lực đổi mới trong đội ngũ.

3. Kết luận

Qua kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước cho thấy xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục mầm non đã được quan tâm triển khai và từng bước đi vào nền nếp. Hoạt động quản lý ứng dụng CNTT đã hình thành tương đối đầy đủ ở các khâu từ lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo đến kiểm tra, đánh giá, thể hiện sự chủ động của các cơ sở giáo dục trong việc thích ứng với yêu cầu đổi mới. Tuy vậy, quá trình triển khai vẫn cho thấy sự chênh lệch giữa các đơn vị về mức độ đầu tư, năng lực ứng dụng và hiệu quả quản lý. Công tác quản lý ứng dụng CNTT mới chủ yếu dừng ở mức hành chính – kỹ thuật, chưa trở thành công cụ dẫn dắt đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non. Điều này phản ánh giai đoạn chuyển tiếp từ nhận thức sang hành động trong tiến trình chuyển đổi số của ngành giáo dục địa phương. Từ kết quả nghiên cứu, có thể khái quát rằng công tác quản lý ứng dụng CNTT tại các trường mầm non ở Đồng Xoài đang ở mức phát triển trung bình – khá, với xu hướng mở rộng quy mô và tăng tính chuyên nghiệp,

song cần được củng cố bằng tầm nhìn chiến lược, sự đầu tư đồng bộ về hạ tầng, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ và cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 19/4/2021 về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Lê, C. T., & Nguyễn, Đ. V. (2006). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học theo hướng hiện đại hóa*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, T. M. L. (2015). *Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tại trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tỉnh Thái Nguyên* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên].
- Phó, Đ. H., & Ngô, Q. S. (2014). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030.”*
- Trần, K., & Nguyễn, X. T. (2015). *Đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Vũ, T., & Tài, T. (2015). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.